

Số: /2021/TT-BVHTTDL Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển thể thao quốc gia và đội tuyển trẻ thể thao quốc gia (sau đây gọi chung là đội tuyển quốc gia) từng môn thể thao được tập trung tập huấn, thi đấu thể thao theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia được tập trung tập huấn, thi đấu thể thao theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao; trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia và đơn vị đào tạo, huấn luyện khác; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tập huấn, thi đấu thể thao của đội tuyển quốc gia.

Điều 3. Nguồn kinh phí mua sắm trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao

Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia được mua sắm từ nguồn ngân sách hàng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chuẩn trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao

Tiêu chuẩn trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Thể dục, thể thao.

Điều 5. Phân loại trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao

Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao bao gồm:

1. Trang thiết bị tập thể lực chung cho vận động viên đội tuyển quốc gia các môn thể thao;
2. Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao chung cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia các môn thể thao;
3. Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia từng môn thể thao.

Điều 6. Định mức cấp phát trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao

1. Định mức trang thiết bị tập thể lực chung cho vận động viên đội tuyển quốc gia các môn thể thao được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao chung cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia các môn thể thao được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia từng môn thể thao được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Nguyên tắc, chế độ và thời gian cấp phát trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao

1. Việc cấp phát trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia phải căn cứ theo định mức quy định tại Điều 6 Thông tư này.
2. Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên được cấp phát theo định mức quy định tại Phụ lục I, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và được cấp phát mới khi trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao đó thuộc trường hợp được thanh lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao có thời gian sử dụng dưới 01 (một) năm được cấp phát như sau:

a) Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao được cấp phát 01 (một) lần trong năm: cấp phát khi vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia được tập trung tập huấn, thi đấu thể thao theo quyết định lần thứ nhất trong năm của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

b) Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao được cấp phát 02 (hai) lần trong năm:

- Cấp phát lần thứ nhất khi vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia được tập trung tập huấn, thi đấu thể thao theo quyết định lần thứ nhất trong năm của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

- Cấp phát lần thứ hai khi vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia được tập trung tập huấn, thi đấu thể thao với tổng thời gian tập trung tập huấn trong năm từ 183 (một trăm tám mươi ba) ngày trở lên.

c) Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao sử dụng và tiêu hao trong tháng được cấp phát hàng tháng cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia được tập trung tập huấn, thi đấu thể thao;

d) Trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao sử dụng và tiêu hao trong ngày được cấp phát hàng ngày cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia được tập trung tập huấn, thi đấu thể thao.

Điều 8. Công tác xây dựng kế hoạch, lập dự toán

1. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch tập huấn, thi đấu thể thao được Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao phê duyệt, các đơn vị đào tạo, huấn luyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, lập dự toán chi tiết về việc mua sắm trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia tập trung tại đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước đã được phê duyệt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Tổng cục Thể dục thể thao phân bổ, giao dự toán chi mua sắm trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho các đơn vị đào tạo, huấn luyện theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp phát sinh những trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao chưa được quy định tại Thông tư này, các đơn vị đào tạo, huấn luyện quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua sắm, cấp phát trang thiết bị tập

huấn, thi đấu thể thao cho phù hợp với nhu cầu sử dụng, khả năng cân đối ngân sách hàng năm, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.

3. Thông tư số 04/2012/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng trang thiết bị tập luyện, thi đấu của các đội tuyển thể thao quốc gia và đội tuyển trẻ thể thao quốc gia hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Tổng cục Thể dục thể thao) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công thông tin điện tử Chính phủ; Công thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục TDTT;
- Sở VHTTDL, Sở VHTT;
- Lưu: VT, TCTDTT (20), Hg (350)

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP THỂ LỰC CHUNG CHO VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA CÁC MÔN THỂ THAO

(Kèm theo Thông tư số/2021/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên
1	Bóng tập thể lực đa năng	Quả/20vđv	01
2	Dàn gánh tạ đa năng	Bộ/30vđv	01
3	Giàn tạ đa năng	Bộ/30vđv	01
4	Giàn tạ đôi từ 24kg đến 26kg	Bộ/30vđv	01
5	Giàn tạ đôi từ 4kg đến 22kg	Bộ/30vđv	01
6	Máy đạp đùi	Bộ/30vđv	01
7	Máy kéo đùi sau	Bộ/30vđv	01
8	Máy tập duỗi cơ đùi trước	Bộ/30vđv	01
9	Máy tập ép, mở đùi	Bộ/30vđv	01
10	Máy tập kéo xô, lưng	Bộ/30vđv	01
11	Máy đẩy vai	Bộ/30vđv	01
12	Máy tập bấp chuối	Bộ/30vđv	01
13	Máy tập đa năng hỗ trợ nhiều nhóm cơ	Bộ/50vđv	01
14	Máy chạy	Bộ/50vđv	01
15	Ghế gập bụng	Bộ/30vđv	01
16	Ghế căng tập lưng	Bộ/30vđv	01
17	Ghế đẩy ngực dốc lên	Bộ/30vđv	01
18	Ghế đẩy ngực dốc xuống	Bộ/30vđv	01
19	Ghế đẩy ngực ngang	Bộ/30vđv	01
20	Khung nâng gối, đu xà	Bộ/30vđv	01
21	Tạ tay	Bộ/20vđv	01
22	Cân điện tử	Cái/50vđv	01

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP HUẤN, THI ĐẤU THỂ THAO CHUNG CHO VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA CÁC MÔN THỂ THAO

(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị thời gian sử dụng dưới 01 năm	
			Lần thứ nhất	Lần thứ hai
1	Giày tập thể lực	Đôi/vđv; Đôi/hlv	02	02
2	Tất	Đôi/vđv; Đôi/hlv	06	06
3	Quần áo gió	Bộ/vđv; Bộ/hlv	01	01
4	Khăn tắm	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv	02	02
5	Túi đựng đồ	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv	01	
6	Còi	Chiếc/hlv	01	01
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc/hlv	01	
8	Mũ mềm	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv	01	01

Phụ lục III

ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP HUẤN, THI ĐẤU THỂ THAO CHO VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA TỪNG MÔN THỂ THAO

(Kèm theo Thông tư số/2021/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
1.	Môn Bắn cung					
1	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02		
2	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
3	Áo bắn	Chiếc/vđv		01		
4	Giày tập luyện	Đôi/vđv		01	01	
5	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
6	Tất tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
7	Tất thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
8	Bao tay cung 1 dây	Chiếc/vđv		02	02	
9	Bao tên	Chiếc/vđv		01		
10	Báng cung	Chiếc/vđv		01		
11	Cánh cung	Bộ/vđv		02		
12	Dây cung	Cuộn/vđv		02	02	
13	Kim bắn cho cung 3 dây	Chiếc/vđv		01	01	
14	Cần thẳng bằng	Chiếc/vđv		01		
15	Thước ngắm	Chiếc/vđv		01		
16	Giá đỡ cung	Chiếc/vđv		01		
17	Tên	Hộp/vđv		03	03	
18	Cánh tên	Hộp/vđv		18	18	
19	Chỉnh tên	Chiếc/vđv		01		
20	Đầu tên	Hộp/vđv		06	06	
21	Đuôi tên	Hộp/vđv		06	06	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
22	Lõi đuôi nhôm	Túi/vđv		12	12	
23	Bia, giá đỡ bia	Bộ/đội		25		
24	Giấy bia	Tờ/vđv		50	50	
25	Kính xem điểm trạm	Chiếc/vđv		01		
2.	Môn Bắn súng					
1	Súng ngắn hơi	Khẩu/vđv	01			
2	Súng trường hơi	Khẩu/vđv	01			
3	Súng ngắn ổ quay	Khẩu/vđv	01			
4	Súng ngắn bắn đạn nổ	Khẩu/vđv	01			
5	Súng trường bắn đạn nổ	Khẩu/vđv	01			
6	Súng bắn đĩa bay (street)	Khẩu/vđv	01			
7	Súng bắn đĩa bay (trap)	Khẩu/vđv	01			
8	Súng bắn đĩa bay (double trap)	Khẩu/vđv	01			
9	Hòm đạn	Chiếc/vđv		01	01	
10	Hòm súng	Chiếc/vđv		01	01	
11	Bình nén hơi	Chiếc/vđv	01			
12	Đồng hồ đo áp suất buồng hơi	Bộ/đội	02			
13	Mặt bia điện tử	Bộ/vđv		02	02	
14	Máy hỗ trợ tập luyện scatt	Bộ/vđv	01			
15	Máy đo gia tốc hơi	Bộ/vđv	01			
16	Máy nén hơi	Bộ/đội	02			
17	Giày tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
18	Giày thi đấu	Đôi/vđv		02	02	
19	Quần áo bắn	Bộ/vđv		01	01	
20	Quần áo lót	Bộ/vđv		02	02	
21	Găng tay bắn	Chiếc/vđv		01	01	
22	Bao cát	Bao/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
23	Bìa giấy	Tờ/vđv/ngày				200
24	Chân bắn đứng	Chiếc/vđv		01	01	
25	Đạn	Viên/vđv/ngày				400
26	Đĩa bắn	Cái/vđv/ngày				400
27	Dây bắn	Chiếc/vđv		01	01	
28	Dây lưng	Chiếc/vđv		01	01	
29	Giấy bia điện tử	Cuộn/vđv/ngày				01
30	Kính bắn	Chiếc/vđv		01	01	
31	Mũ bắn	Chiếc/vđv		01	01	
32	Nút tai	Bộ/vđv		05	05	
33	Ống kính xem điểm trạm	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv	01			
34	Van nạp bình hơi	Chiếc/vđv		01	01	
35	Túi đựng trang bị	Chiếc/vđv		01	01	
36	Gioăng thay thế súng trường	Bộ/khẩu/vđv	01			
37	Lò xo buồng áp lực hơi súng trường	Bộ/khẩu/vđv	01			
38	Lò xo kim hỏa súng trường hơi	Bộ/khẩu/vđv	01			
39	Gioăng thay thế súng ngắn	Bộ/khẩu/vđv	01			
40	Lò xo buồng áp lực hơi súng ngắn hơi	Bộ/khẩu/vđv	01			
41	Lò xo kim hỏa súng ngắn hơi	Bộ/khẩu/vđv	01			
42	Van buồng áp lực hơi súng ngắn	Bộ/khẩu/vđv	01			
43	Lò xo kim hỏa súng trường thể thao	Bộ/khẩu/vđv	01			
44	Cân cò	Bộ/trường bắn	02			
45	Giá để súng môn bắn đĩa bay	Bộ/trường bắn	01			
46	Máy bắn đĩa skeet	Bộ/trường bắn	03			
47	Máy bắn đĩa trap	Bộ/trường bắn	16			
48	Thùng đựng catut	Bộ/trường bắn	08			
49	Bộ điều khiển trường bắn đĩa bay	Bộ/trường bắn	03			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
50	Hạt thông nòng súng	Bộ/vđv		01	01	
51	Máy chấm điểm bia giấy	Bộ/đội	02			
52	Bộ dưỡng chấm điểm chạm bia giấy	Bộ/nội dung	02			
53	Đồng hồ báo giờ điện tử	Bộ/trường bắn	02			
54	Bảng bia điện tử	Cái/trường bắn	02			
55	Loa bắt âm thanh trường bắn đĩa bay	Chiếc/bộ bắn	01			
56	Bảng điểm điện tử trường bắn đĩa bay	Chiếc/trường bắn	01			
57	Bảng điểm lật	Chiếc/trường bắn	01			
58	Hệ thống bia điện tử trường bắn 50m và trường bắn 10m	Bộ/trường bắn	60			
59	Hệ thống bia điện tử trường bắn 25m	Bộ/trường bắn	80			
60	Hệ thống bia điện tử trường bắn di động	Bộ/trường bắn	04			
61	Máy điều khiển trường bắn di động	Bộ/trường bắn	04			
62	Đầu ngắm, máy ngắm, đuôi bảng phụ	Bộ/vđv		01	01	
63	Trang bị chuyên dụng sửa chữa súng	Bộ/vđv		01	01	
3.	Môn Bi sắt					
1	Bảng điểm điện tử	Bộ/đội	04			
2	Bộ thi kỹ thuật	Bộ/đội	04			
3	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		01	01	
4	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	01	
5	Giày tập luyện	Đôi/vđv; Đôi/hlv		01		
6	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01		
7	Bi đích	Viên/vđv		05	05	
8	Bi tập luyện	Bộ/vđv		01		
9	Bi thi đấu	Bộ/vđv		01		
10	Khăn lau bi	Chiếc/vđv		01	01	
11	Mũ rộng vành	Chiếc/vđv		01	01	
12	Thước đo	Chiếc/hlv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
4.	Môn Billiard - Snooker					
1	Bàn carom	Chiếc/đội	04			
2	Bàn pool	Chiếc/đội	04			
3	Bàn snooker	Chiếc/đội	02			
4	Bảng điểm điện tử	Bộ/đội	04			
5	Bi carom	Bộ/đội	08			
6	Bi english	Bộ/đội	02			
7	Bi pool	Bộ/đội	08			
8	Bi snooker	Bộ/đội	04			
9	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		01	01	
10	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01		
11	Giày tập luyện	Đôi/vđv		01		
12	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01		
13	Cơ carom	Cây/vđv		01		
14	Cơ pool	Cây/vđv		01		
15	Cơ snooker	Cây/vđv		01		
16	Đầu cơ	Chiếc/vđv		01	01	
17	Găng tay	Chiếc/vđv		02	02	
18	Lơ	Chiếc/vđv		02	02	
19	Vải bàn carom	Tám/đội		04	04	
20	Vải bàn pool	Tám/đội		06	06	
21	Vải bàn snooker	Tám/đội		04	04	
5.	Môn Bóng bàn					
1	Bàn bóng bàn	Chiếc/đội	12			
2	Đồng hồ timeout	Chiếc/đội	01			
3	Máy bắn bóng	Chiếc/đội	02			
4	Máy đo vợt	Chiếc/đội	02			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
5	Máy nhật bóng	Chiếc/đội	02			
6	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
7	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		03	02	
8	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		03	02	
9	Giày tập luyện	Đôi/vđv		02	01	
10	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
11	Bảo vệ cổ chân	Bộ/vđv		02	01	
12	Bảo vệ cổ tay	Bộ/vđv		02	01	
13	Bảo vệ gối	Bộ/vđv		02	01	
14	Bóng tập	Quả/vđv		40	40	
15	Cột	Chiếc/vđv		02		
16	Dây nhảy	Chiếc/vđv		02	01	
17	Keo	Lọ/vđv		02	02	
18	Mặt vợt	Chiếc/vđv		03	02	
19	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		02		
6. Môn Bóng chuyên bãi biển						
1	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
2	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
3	Băng gối	Chiếc/vđv		02	02	
4	Bóng tập luyện	Quả/vđv		02	02	
5	Dây kéo đàn hồi tập tay	Chiếc/vđv		01	01	
6	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
7	Kem chống nắng	Hộp/vđv		10	10	
8	Kính	Chiếc/vđv		01	01	
9	Mũ mềm	Chiếc/vđv		01	01	
10	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		02		
11	Xe đựng bóng	Chiếc/đội		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
7.	Môn Bóng chuyền trong nhà					
1	Giày tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
2	Giày thi đấu	Đôi/vđv		02	02	
3	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
4	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
5	Băng gối	Đôi/vđv		02	02	
6	Băng sơ mi	Đôi/vđv		02	02	
7	Bóng tập	Quả/vđv		02	02	
8	Dây kéo đàn hồi tập tay	Chiếc/vđv		01	01	
9	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
10	Mũ mềm	Chiếc/vđv		02	02	
11	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01	01	
12	Xe đưng bóng	Chiếc/đội		01		
8.	Môn Bóng đá 11 người					
1	Bảng chiến thuật cá nhân	Chiếc/đội	02			
2	Giày tập luyện	Đôi/vđv		01	01	
3	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
4	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv; Bộ/hlv		04	04	
5	Quần áo thi đấu	Chiếc/vđv		02	02	
6	Áo chiến thuật	Bộ/đội		02	02	
7	Áo gió chống mưa	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		02		
8	Thùng đưng đá	Chiếc/đội	04			
9	Bịt đầu gối	Chiếc/vđv		02		
10	Bịt ống quyển	Đôi/vđv		04	04	
11	Bộ cờ góc	Chiếc/đội		08		
12	Bóng tập luyện	Quả/vđv		04	04	
13	Cột dẫn bóng	Bộ/đội		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
14	Cột mốc	Bộ/đội		02	02	
15	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
16	Găng tay thủ môn cho huấn luyện viên	Đôi/hlv		02	02	
17	Găng tay thủ môn cho vận động viên	Đôi/vđv		04	04	
18	Hình nộm đá phạt	Bộ/đội		01		
19	Tất tập luyện	Đôi/vđv; Đôi/hlv		04	04	
20	Túi đựng bóng	Chiếc/đội		02	02	
21	Túi xách đựng đồ tập luyện	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		02	02	
9.	Môn Bóng đá bãi biển					
1	Bóng đặc	Quả/đội	01			
2	Rào bật nhảy	Chiếc/đội	01			
3	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv; Bộ/hlv		04	04	
4	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
5	Áo chiến thuật	Bộ/đội		02	02	
6	Bóng tập luyện	Quả/vđv		04	04	
7	Cột dẫn bóng	Bộ/đội		02	02	
8	Cột mốc	Bộ/đội		02	02	
9	Găng tay thủ môn cho huấn luyện viên	Đôi/hlv		02	02	
10	Găng tay thủ môn cho vận động viên	Đôi/vđv		04	04	
11	Túi đựng bóng tập	Chiếc/đội		02	02	
12	Túi xách đựng đồ tập luyện	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		02	02	
10.	Môn Bóng đá futsal					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Bóng tạ từ 3kg đến 5kg	Bộ/đội	04			
3	Bóng thẳng bằng	Quả/đội	08			
4	Bóng yoga	Quả/đội	02			
5	Con lăn mát-xa	Chiếc/đội	10			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
6	Đệm nhún lò xo	Chiếc/đội	04			
7	Hình nộm người	Chiếc/đội	05			
8	Nắm chiến thuật	Bộ/đội	02			
9	Thiết bị cảm biến nhịp tim	Bộ/vđv	01			
10	Áo chiến thuật	Bộ/đội		02	02	
11	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		04	04	
12	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
13	Giày Futsal	Đôi/vđv		01	01	
14	Bịt ống quyển	Đôi/vđv		04	04	
15	Bóng	Quả/vđv		02	02	
16	Cột dẫn bóng	Bộ/đội		02	02	
17	Cột mốc	Bộ/đội		02	02	
18	Cột rào cản	Bộ/đội		04		
19	Dây kéo đàn hồi	Chiếc/vđv		02		
20	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
21	Găng tay thủ môn cho huấn luyện viên	Đôi/hlv		02	02	
22	Găng tay thủ môn cho vận động viên	Đôi/vđv		04	04	
23	Tất dài tập luyện	Đôi/vđv		04	04	
24	Thảm yoga	Chiếc/vđv		01		
25	Thang dây	Chiếc/đội		04		
26	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
27	Túi đựng bóng tập	Chiếc/đội		02	02	
28	Túi xách đựng đồ tập luyện	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		02	02	
11. Môn Bóng ném bãi biển						
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	02			
2	Thang dây	Chiếc/đội	04			
3	Dây kéo đàn hồi tập tay	Chiếc/vđv	01			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
4	Cọc tiêu	Bộ/đội		01		
5	Kính	Chiếc/vđv		01		
6	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
7	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
8	Áo chiến thuật	Chiếc/vđv		02	02	
9	Bảo vệ gối	Bộ/vđv		01		
10	Bóng đặc	Quả/vđv		01	01	
11	Bóng tập luyện	Quả/vđv		03	03	
12	Bóng thi đấu	Quả/vđv		01	01	
13	Mũ mềm chuyên môn	Chiếc/vđv		01	01	
14	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
15	Bảng chiến thuật	Chiếc/đội		02		
16	Hình nộm ném phạt	Cái/đội		04		
17	Bục bật ném	Cái/đội		04		
18	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
19	Túi đựng đồ tập luyện	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		01	01	
12.	Môn Bóng ném trong nhà					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	02			
2	Thang dây	Chiếc/đội	04			
3	Dây kéo đàn hồi tập tay	Chiếc/vđv	01			
4	Cọc tiêu	Bộ/vđv		01		
5	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
6	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
7	Áo chiến thuật	Chiếc/vđv		02	02	
8	Giày tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
9	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
10	Bảo vệ gối	Bộ/vđv		01		
11	Bóng đặc	Quả/vđv		01	01	
12	Bóng tập luyện	Quả/vđv		03	03	
13	Bóng thi đấu	Quả/vđv		01	01	
14	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
15	Keo	Hộp/vđv		01	01	
16	Túi chườm đá	Chiếc/đội		01		
17	Bảng chiến thuật	Chiếc/đội		02		
18	Hình nộm ném phạt	Cái/đội		06		
19	Bục bật ném	Cái/đội		06		
20	Túi đựng đồ tập luyện	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		01	01	
13.	Môn Bóng nước					
1	Máy tập cơ tay môn bơi	Chiếc/30vđv	01			
2	Quần áo tập luyện cho vận động viên	Bộ/vđv		04	04	
3	Quần áo tập luyện cho huấn luyện viên	Bộ/hlv		01	01	
4	Quần áo thi đấu (bao gồm mũ đánh số từ 01 đến 13)	Bộ/vđv		02		
5	Áo choàng giữ nhiệt	Chiếc/vđv		01		
6	Bóng	Quả/vđv		02	02	
7	Chân vịt đôi	Cặp/vđv		01		
8	Bàn quạt	Cặp/vđv		01		
9	Dây cao su	Sợi/vđv		01		
10	Ván	Chiếc/vđv		01		
11	Khăn tắm	Chiếc/vđv		02	02	
12	Kính bơi	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		01	01	
13	Thảm nghỉ	Chiếc/vđv		01	01	
14	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
15	Mũ tập luyện	Chiếc/vđv		04		
14.	Môn Bóng rổ					
1	Cọc cây	Chiếc/đội	14			
2	Dây đàn hồi	Chiếc/đội	14			
3	Dây thừng	Chiếc/vđv	02			
4	Nắm	Chiếc/đội	20			
5	Xe đưng bóng	Chiếc/đội	02			
6	Giày tập luyện chuyên môn	Đôi/vđv; Đôi/hlv		02	02	
7	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
8	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
9	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
10	Áo chiến thuật	Chiếc/vđv		02	02	
11	Thang dây	Chiếc/vđv		01		
12	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
13	Bảo vệ gối, tay	Chiếc/vđv		02	02	
14	Bóng đặc	Quả/vđv		01	01	
15	Bóng tập luyện	Quả/vđv		03	03	
16	Bóng thi đấu	Quả/vđv		02	02	
17	Đồng hồ 24 giây	Bộ/đội		02		
18	Tất	Đôi/vđv		02		
19	Thùng đưng đá	Chiếc/đội	02			
20	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
21	Cột rổ	Bộ/đội		01		
22	Lưới rổ	Chiếc/đội		20		
23	Băng keo dán gôn	Cuộn/đội		25		
24	Thước dây kẻ sân	Mét/đội		200		
25	Bình xịt lạnh	Chai/đội		20		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
15.	Môn Bowling					
1	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02		
2	Găng tay thi đấu	Chiếc/vđv		02		
3	Giày tập luyện	Đôi/vđv		01	01	
4	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	01			
5	Dây kéo đàn hồi tập lưng	Đôi/vđv		02		
6	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
7	Túi chườm đá	Đôi/vđv		02		
16.	Môn Boxing					
1	Bao cát treo	Chiếc/đội	10			
2	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
3	Bộ đồ ép cân	Bộ/vđv	01			
4	Dây kéo đàn hồi tập đấm	Chiếc/vđv	01			
5	Đích đấm gắn tường	Chiếc/đội	10			
6	Hình nộm người	Chiếc/đội	05			
7	Lampơ tay	Đôi/hlv	01			
8	Giày tập luyện	Đôi/vđv		01		
9	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
10	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
11	Mũ tập luyện	Chiếc/vđv		01	01	
12	Mũ thi đấu	Chiếc/vđv		01		
13	Băng đa quấn tay	Cuộn/vđv		01	01	
14	Bảo vệ ngực	Chiếc/vđv		01	01	
15	Bịt răng thi đấu	Chiếc/vđv		01	01	
16	Găng chuyên môn tập luyện	Đôi/vđv		01	01	
17	Găng chuyên môn thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
18	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
19	Găng tập luyện đấm bao	Đôi/vđv		01	01	
20	Kuki	Chiếc/vđv		01	01	
21	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
17.	Môn Bơi					
1	Bộ tạ tay từ 4kg đến 8 kg	Bộ/30vđv	01			
2	Máy tập phát triển cơ tay	Chiếc/30vđv	01			
3	Bộ bóng nhồi từ 4kg đến 5kg	Bộ/vđv	01			
4	Quần cản nước	Chiếc/vđv	01			
5	Quần, áo bơi tập luyện	Bộ/vđv		06	06	
6	Quần, áo bơi thi đấu	Bộ/vđv		02		
7	Quần bó cơ	Chiếc/vđv		01		
8	Áo bó cơ	Chiếc/vđv		01		
9	Áo choàng giữ nhiệt	Chiếc/vđv		01		
10	Kính bơi, mũ bơi thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
11	Kính bơi, mũ bơi tập luyện	Bộ/hlv		01	01	
12	Kính bơi, mũ bơi tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
13	Bàn quạt nửa bàn tay	Đôi/vđv		01	01	
14	Chân vịt đôi	Đôi/vđv		01	01	
15	Dây cao su	Chiếc/vđv		02	02	
16	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
17	Dây thừng	Chiếc/đội		01		
18	Khăn thấm nước	Chiếc/vđv		01	01	
19	Bộ tạ miếng từ 4kg đến 8kg	Đôi/vđv		09		
20	Thảm nghỉ	Chiếc/vđv		01	01	
21	Ván	Chiếc/vđv		01	01	
22	Vòi hơi	Chiếc/vđv		01		
23	Bàn quạt cả bàn tay	Đôi/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
24	Thiết bị đo mạch	Chiếc/vđv		01		
25	Ống lăn massage	Chiếc/vđv		01		
18.	Môn Bơi đường dài					
1	Bộ tạ tay từ 4kg đến 8 kg	Bộ/30vđv	01			
2	Bộ đàm chịu nước	Chiếc/đội	04			
3	Loa tay	Chiếc/đội	02			
4	Máy đo khoảng cách trên sông, hồ, biển	Chiếc/vđv	01			
5	Thiết bị GPS giám sát	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv	01			
6	Vòi hơi	Chiếc/vđv	01			
7	Xuồng máy huấn luyện và cứu hộ	Chiếc/đội	01			
8	Quần bơi tập luyện	Chiếc/vđv		04	04	
9	Áo bơi tập luyện	Chiếc/vđv		04	04	
10	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
11	Áo choàng giữ nhiệt	Chiếc/vđv		01		
12	Áo phao cứu hộ	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		01		
13	Kính bơi, mũ bơi	Bộ/vđv		02	02	
14	Kính chống nắng	Chiếc/hlv		01	01	
15	Bàn quạt	Đôi/vđv		01	01	
16	Bình đựng nước uống	Chiếc/vđv				
17	Chân vịt đôi	Đôi/vđv		01	01	
18	Cọc tiêu	Chiếc/đội		06		
19	Dây cao su	Chiếc/đội		02	02	
20	Gậy tiếp thực phẩm	Chiếc/hlv		02		
21	Giày giữ nhiệt	Đôi/vđv		01	01	
22	Khăn thấm nước	Chiếc/vđv		01	01	
23	Phao bơi đường dài	Chiếc/vđv		01	01	
24	Thảm nghỉ	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
25	Ván	Chiếc/vđv		02	02	
19.	Môn Bơi Nghệ thuật					
1	Bộ tạ tay từ 2kg đến 6 kg	Bộ/vđv	01			
2	Quần, áo bơi, khăn tắm	Bộ/vđv		03	03	
3	Quần, áo bơi, khăn tắm	Bộ/hlv		01	01	
4	Áo choàng giữ nhiệt	Chiếc/vđv		01		
5	Kính bơi, mũ bơi	Bộ/vđv		01	01	
6	Nút tai, bàn quạt, kẹp mũi, ván	Bộ/vđv		02	02	
7	Thảm nghỉ	Chiếc/vđv		01	01	
8	Áo bơi thiết kế dành cho thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
9	Dây thun đàn hồi 1,5m/sợi	Chiếc/vđv		02		
10	Bộ đàm điều khiển chịu nước kết nối với thiết bị tai nghe không dây dưới nước (gồm 8 chiếc tai nghe)	Bộ/đội		01		
20.	Môn Canoeing					
1	Bộ tạ gồm cần tạ xoay, bánh tạ (từ 1kg đến 30kg)	Bộ/30vđv	01			
2	Máy tập kỹ thuật canoe	Chiếc/vđv	01			
3	Máy tập kỹ thuật kayak	Chiếc/vđv	01			
4	Máy xà đơn xà kép	Chiếc/30vđv	01			
5	Thang gióng	Chiếc/30vđv	01			
6	Bao chèo canoe	Chiếc/vđv	01			
7	Bao chèo kayak	Chiếc/vđv	01			
8	Bộ đàm chịu nước	Chiếc/hlv	01			
9	Bộ dây phao đường đua, định vị khoảng cách trong huấn luyện.	Bộ/đội	01			
10	Bộ phụ kiện tháo lắp, cân chỉnh thuyền	Bộ/đội	02			
11	Cân điện tử để cân chỉnh trọng lượng thuyền	Chiếc/đội	01			
12	Cầu lên xuống thuyền	Chiếc/đội	02			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
13	Đồng hồ vệ tinh GPS (đo đường đua)	Chiếc/hlv	01			
14	Giá 4 tầng để thuyền bốn	Chiếc/đội	02			
15	Giá 4 tầng để thuyền đôi	Chiếc/đội	03			
16	Giá 4 tầng để thuyền đơn	Chiếc/đội	04			
17	Loa tay	Chiếc/hlv	01			
18	Mái chèo thuyền canoe	Chiếc/vđv	01			
19	Mái chèo thuyền kayak	Chiếc/vđv	01			
20	Máy đo nhịp tim	Chiếc/vđv	01			
21	Thuyền canoe bốn (C4)	Chiếc/04vđv	01			
22	Thuyền canoe đôi (C2)	Chiếc/02vđv	01			
23	Thuyền canoe đơn (C1)	Chiếc/vđv	01			
24	Thuyền kayak (K2)	Chiếc/02vđv	01			
25	Thuyền kayak (K4)	Chiếc/04vđv	01			
26	Thuyền kayak (K1)	Chiếc/vđv	01			
27	Xe kút kít chở xuồng máy	Chiếc/đội	01			
28	Xuồng máy huấn luyện	Chiếc/đội	01			
29	Xuồng máy cứu hộ	Chiếc/đội	01			
30	Nhà thuyền di động đơn	Cái/đội	01			
31	Nhà thuyền di động đôi	Cái/đội	01			
32	Nhà thuyền di động bốn	Cái/đội	01			
33	Quần áo tập	Bộ/vđv		02	02	
34	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02		
35	Bảo vệ gối	Bộ /vđv		01		
36	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
37	Bịt cổ tay	Chiếc/vđv		01	01	
38	Đai bảo vệ lưng	Chiếc/vđv		01	01	
39	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
40	Đệm quỳ gối	Chiếc/vđv		01		
41	Kính chống nắng	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		01	01	
42	Mũ mềm vành to	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		01	01	
43	Quây chắn nước	Chiếc/vđv		01		
44	Thảm cá nhân dùng cho thi đấu	Chiếc/vđv		01		
45	Túi chườm đá chấn thương	Chiếc/vđv		02		
46	Đồng hồ tần số	Chiếc/vđv; Chiếc/hlv		01		
21.	Môn Cầu lông					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Cột lưới và lưới	Bộ/đội	01			
3	Máy bắn cầu	Chiếc/đội	04			
4	Vợt nặng tập cổ tay	Chiếc/vđv	01			
5	Xe đựng cầu	Chiếc/đội	08			
6	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv; Bộ/hlv		02	02	
7	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
8	Áo tạ tập thể lực	Chiếc/vđv		01		
9	Giày	Đôi/vđv		02	02	
10	Băng cổ tay	Chiếc/vđv		02	02	
11	Băng đầu gối	Chiếc/vđv		02	02	
12	Bóng cao su	Quả/vđv		01		
13	Con lăn thả lỏng	Chiếc/vđv		01		
14	Dây cao su	Chiếc/vđv		01	01	
15	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
16	Túi vợt	Chiếc/vđv		02	02	
17	Khăn	Chiếc/vđv		02	02	
18	Tất tập luyện, thi đấu	Đôi/vđv; Đôi/hlv		02	02	
19	Tất nâng cơ	Đôi/vđv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
20	Vợt	Chiếc/vđv		02	02	
21	Cầu tập luyện	Quả/vđv/ngày				180
22	Cuốn cán vợt	Chiếc/vđv		12	12	
23	Cước đan vợt	Sợi/vđv		12	12	
22.	Môn Cầu mây					
1	Rào bật nhảy	Bộ/30vđv	02			
2	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
3	Cọc tiêu di chuyển	Chiếc/đội	30			
4	Giá treo tập cầu cố định	Chiếc/đội	10			
5	Xe đựng bóng	Chiếc/đội	02			
6	Bó gối	Đôi/vđv		03	03	
7	Bó gót	Đôi/vđv		03	03	
8	Giày tập luyện	Đôi/vđv		03	03	
9	Giày thi đấu	Đôi/vđv		02	01	
10	Kính chống nắng (nội dung bãi biển)	Chiếc/vđv		01		
11	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		03	03	
12	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		03		
13	Dây nhảy	Chiếc/vđv		02	01	
14	Cọc lưới tập luyện	Bộ/đội		02		
15	Thảm tập luyện	Bộ/đội		02		
16	Cầu tập luyện và thi đấu	Quả/đội		28		
23.	Môn Cờ					
1	Đồng hồ cờ	Chiếc/vđv	01			
2	Máy tính	Bộ/đội	02			
3	Phần mềm cờ	Bộ/đội	01			
4	Bộ bàn cờ	Bộ/vđv		01	01	
5	Quân cờ	Bộ/vđv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
6	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv; Bộ/hlv		01		
7	Giày thi đấu	Chiếc/vđv		01		
8	Bàn cờ treo tường	Chiếc/đội		01		
24.	Môn Cử tạ					
1	Giá gánh tạ	Đôi/vđv	01			
2	Hệ thống điện tử	Bộ/đội	01			
3	Tạ tập luyện	Bộ/vđv	01			
4	Tạ thi đấu	Bộ/giải	02			
5	Tạ khởi động thi đấu	Bộ/giải	15			
6	Sàn tập luyện	Sàn/vđv	01			
7	Sàn thi đấu	Sàn/giải	01			
8	Giàn tập hỗ trợ động tác đẩy	Bộ/đội	01			
9	Đồng hồ đếm ngược	Chiếc/đội	02			
10	Đèn báo hạ tạ chuyên môn	Chiếc/đội	02			
13	Băng tay	Cuộn/vđv		02	02	
14	Bộ đồ ép cân	Bộ/vđv		02	02	
15	Bó gối	Đôi/vđv		02	02	
16	Đai da tập luyện	Chiếc/vđv		01	01	
17	Đai da thi đấu	Chiếc/giải/vđv		01		
18	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
19	Dây kéo	Đôi/vđv		03	03	
20	Giày tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
21	Giày thi đấu	Đôi/giải/vđv		01	01	
22	Bục gỗ tập hỗ trợ	Đôi/sàn		01		
23	Bột xoa tay	Hộp/vđv		05	05	
24	Hộp đựng bột xoa tay	Chiếc/sàn		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
25	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
26	Quần áo thi đấu	Bộ/giải/vđv		01		
27	Quần bó	Chiếc/vđv		03	03	
28	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		02		
29	Ghế gỗ (có hộp để đồ cá nhân)	Chiếc/vđv		01		
30	Bàn chải sắt	Chiếc/vđv		01	01	
31	Quần cổ tay	Đôi/vđv		02	02	
32	Bánh tạ 1 kg	Đôi/vđv		01		
25. Môn Đá cầu						
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Dây kéo đàn hồi tập đá	Chiếc/vđv	01			
3	Giày tập luyện	Đôi/vđv		03	03	
4	Giày thi đấu	Đôi/vđv		03	03	
5	Quần, áo tập luyện	Bộ/vđv		03	03	
6	Quần, áo thi đấu	Bộ/vđv		03	03	
7	Cầu	Quả/đội/tháng				100
8	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
26. Môn Đấu kiếm						
26.1 Kiếm liễu						
1	Áo bảo vệ ngực	Chiếc/vđv		02		
2	Áo giáp trong 3/4	Bộ/vđv		02	01	
3	Bộ quần áo giáp vải thi đấu	Bộ/vđv		01		
4	Bộ quần áo giáp vải	Bộ/vđv		01		
5	Dây điện cá nhân kiếm liễu tập luyện	Chiếc/vđv		04	04	
6	Dây điện cá nhân kiếm liễu thi đấu	Bộ/vđv		04	04	
7	Dây điện đầu kiếm liễu	Chiếc/vđv		04	04	
8	Găng tay dẫn	Chiếc/hlv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
9	Găng tay kiểm liễu thi đấu	Đôi/vđv		02	01	
10	Găng tay tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
11	Giáp điện kiểm liễu tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
12	Giáp điện kiểm liễu thi đấu	Bộ/vđv		02	01	
13	Giáp huấn luyện	Chiếc/hlv		01		
14	Giày	Đôi/vđv		02	02	
15	Kiểm dẫn huấn luyện	Chiếc/hlv		04		
16	Kiểm liễu điện tập luyện	Chiếc/vđv		12	12	
17	Kiểm liễu điện thi đấu	Chiếc/vđv		08	08	
18	Kiểm liễu tập luyện	Chiếc/vđv		18	18	
19	Mặt nạ huấn luyện	Chiếc/hlv		01		
20	Mặt nạ kiểm liễu tập luyện	Chiếc/vđv		01	01	
21	Mặt nạ kiểm liễu thi đấu	Chiếc/vđv		01	01	
22	Tất	Đôi/vđv		03	03	
23	Túi đựng kiểm có bánh xe	Chiếc/vđv		01		
26.2	Kiểm ba cạnh					
1	Áo bảo vệ ngực (nữ)	Chiếc/vđv		02		
2	Áo giáp trong 3/4	Chiếc/vđv		02	01	
3	Bộ quần áo giáp vải tập luyện	Bộ/vđv		01		
4	Bộ quần áo giáp vải thi đấu	Bộ/vđv		01		
5	Dây điện cá nhân kiểm 3 cạnh tập luyện	Chiếc/vđv		04	04	
6	Dây điện cá nhân kiểm 3 cạnh thi đấu	Chiếc/vđv		04	04	
7	Găng tay dẫn	Đôi/hlv		01		
8	Găng tay kiểm ba cạnh tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
9	Găng tay kiểm ba cạnh thi đấu	Đôi/vđv		02	01	
10	Giáp huấn luyện	Chiếc/hlv		01		
11	Giày	Đôi/vđv		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
12	Kiểm ba cạnh điện thi đấu	Chiếc/vđv		08	08	
13	Kiểm ba cạnh tập luyện	Chiếc/vđv		18	18	
14	Kiểm dẫn huấn luyện viên	Chiếc/hlv		02	02	
15	Kiểm điện tập luyện	Chiếc/vđv		25	25	
16	Mặt nạ huấn luyện	Chiếc/hlv		01		
17	Mặt nạ kiểm 3 cạnh tập luyện	Chiếc/vđv		01	01	
18	Mặt nạ kiểm 3 cạnh thi đấu	Chiếc/vđv		01	01	
19	Tất	Đôi/vđv		03	03	
20	Túi đựng kiểm có bánh xe	Chiếc/vđv		01		
26.3	Kiểm chém					
1	Áo bảo vệ ngực (nữ)	Chiếc/vđv		01	01	
2	Áo giáp trong 3/4	Chiếc/vđv		02	01	
3	Bộ quần áo giáp vải tập luyện	Bộ/vđv		01		
4	Bộ quần áo giáp vải thi đấu	Bộ/vđv		01		
5	Dây điện cá nhân kiểm chém tập luyện	Chiếc/vđv		04	04	
6	Dây điện cá nhân kiểm chém thi đấu	Chiếc/vđv		04	04	
7	Dây điện đầu kiểm chém	Chiếc/vđv		06	06	
8	Găng tay dẫn	Đôi/hlv		01		
9	Găng tay điện kiểm chém tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
10	Găng tay điện kiểm chém thi đấu	Đôi/vđv		02	01	
11	Giáp điện kiểm chém tập luyện	Chiếc/vđv		02	02	
12	Giáp điện kiểm chém thi đấu	Chiếc/vđv		02	01	
13	Giáp huấn luyện	Chiếc/hlv		01		
14	Giày	Đôi/vđv		02	02	
15	Kiểm chém điện tập luyện	Chiếc/vđv		18	18	
16	Kiểm chém điện thi đấu	Chiếc/vđv		08	08	
17	Kiểm dẫn huấn luyện	Chiếc/hlv		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
18	Mặt nạ huấn luyện	Chiếc/hlv		01		
19	Mặt nạ kiểm soát tập luyện	Chiếc/vđv		01	01	
20	Mặt nạ kiểm soát thi đấu	Chiếc/vđv		01	01	
21	Tất	Đôi/vđv		03	03	
22	Túi đựng kiểm soát bánh xe	Chiếc/vđv		01		
27.	Môn Điền kinh					
1	Bàn đạp	Chiếc/30vđv	10			
2	Bóng đặc	Quả/30vđv	20			
3	Bục hỗ trợ kỹ thuật	Cái/30vđv	05			
4	Dây chèo	Cái/30vđv	06			
5	Đạn phát lệnh	Viên/30vđv	20			
6	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	05			
7	Rào CNV	Chiếc/30vđv	05			
8	Rào chạy	Chiếc/30vđv	50			
9	Súng phát lệnh	Khẩu/30vđv	02			
10	Tạ bình vôi 5kg	Quả/30vđv	10			
11	Tạ bình vôi 7,5kg	Quả/30vđv	10			
12	Tạ bình vôi 10kg	Quả/30vđv	10			
13	Xe chuyển rào	Cái/30vđv	05			
14	Xe vận chuyển tạ lao đĩa	Cái/30vđv	01			
15	Xe vận chuyển tạ xích	Cái/30vđv	01			
27.1	Các nội dung cự ly ngắn, chạy vượt rào, nhảy xa - 3 bước					
1	Đồng hồ (đo tốc độ cao)	Bộ/tổ	05			
2	Gậy tiếp sức	Chiếc/vđv	01			
3	Tấm lưới thu cát	Chiếc/đội	05			
4	Ván dậm nhảy	Chiếc/đội	04			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
5	Vật đánh dấu đà	Chiếc/vđv	02			
6	Áo 3 lỗ, quần bó	Bộ/vđv		01	01	
7	Áo bludon (lông vũ, dài)	Chiếc/vđv		01		
8	Bộ quần áo gió (trời mưa)	Bộ/hlv		01		
9	Dây chun (10m)	Chiếc/vđv		01		
10	Giày đinh tập luyện	Đôi/vđv		01		
11	Giày đinh thi đấu	Đôi/vđv		01		
12	Giày khởi động	Đôi/vđv		01		
13	Giày mềm chuyên môn	Đôi/vđv		01	01	
14	Kính chống chói	Chiếc/vđv		01		
15	Miếng đệm trái khởi động	Chiếc/vđv		01		
16	Quần áo đông xuân dài tay	Bộ/vđv		01	01	
17	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01		
18	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
19	Thước dây	Chiếc/đội		02		
20	Xăng và trang cát	Bộ/đội		02		
27.2	Các nội dung cự ly trung bình, dài và chướng ngại vật					
1	Đồng hồ (Smart watch)	Chiếc/vđv	01			
2	Máy đếm vòng (cầm tay)	Chiếc/đội	01			
3	Xe máy	Chiếc/đội	01			
4	Áo 3 lỗ, quần bó	Bộ/vđv		01	01	
5	Áo bludon (lông vũ, dài)	Chiếc/vđv		01		
6	Bộ quần áo gió (trời mưa)	Bộ/hlv		01		
7	Dây chun (10m)	Chiếc/vđv		01		
8	Dây nhảy 3m	Sợi/vđv		01		
9	Giày đinh tập luyện	Đôi/vđv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
10	Giày đinh thi đấu	Đôi/vđv		01		
11	Giày khởi động	Đôi/vđv		01		
12	Giày mềm chuyên môn	Đôi/vđv		01	01	
13	Kính chống chói	Chiếc/người		01		
14	Miếng đệm trái khởi động	Chiếc/vđv		01		
15	Quần áo đông xuân dài tay	Bộ/vđv		01	01	
16	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
27.3	Các nội dung nhảy cao và nhảy sào					
1	Cột đỡ xà ngang	Bộ/tổ	02			
2	Đệm và tấm phủ	Bộ/tổ	02			
3	Palet đặt đệm	Tám/tổ	10			
4	Ván dậm nghiêng	Chiếc/tổ	02			
5	Xà ngang	Chiếc/tổ	04			
6	Áo 3 lỗ, quần bó	Bộ/vđv		01	01	
7	Áo bludon (lông vũ, dài)	Chiếc/vđv		01		
8	Bộ quần áo gió (trời mưa)	Bộ/hlv		01		
9	Đai lưng an toàn	Chiếc/tổ		02	02	
10	Dây chun (thay xà ngang)	Chiếc/tổ		04		
11	Giày đinh tập luyện	Đôi/vđv		01	01	
12	Giày đinh thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
13	Giày mềm chuyên môn	Đôi/vđv		01	01	
14	Kính chống chói	Chiếc/vđv		01		
15	Miếng đệm trái khởi động	Chiếc/vđv		01		
16	Quần áo đông xuân dài tay	Bộ/vđv		01	01	
17	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01		
18	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
19	Thước đo chiều cao	Chiếc/tổ		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
27.4	Các nội dung phối hợp					
1	Cột đỡ xà ngang	Bộ/tổ	02			
2	Đệm và tấm phủ	Bộ/tổ	02			
3	Bộ đĩa (từ 3 kg đến 7 kg)	Bộ/tổ	10			
4	Bộ lao (từ 400 gr đến 1.000gr)	Bộ/tổ	10			
5	Palet đặt đệm	Tấm/tổ	10			
6	Bộ tạ quả (từ 4 kg đến 7 kg)	Bộ/tổ	10			
7	Bộ tạ xích (từ 4 kg đến 7 kg)	Bộ/tổ	10			
8	Ván dậm nhảy	Chiếc/tổ	02			
9	Xà ngang	Chiếc/tổ	04			
10	Dây chun 10m	Sợi/vđv		01		
11	Dây chun (thay xà ngang)	Chiếc/tổ		04		
12	Dây nhảy	Sợi/vđv		01		
13	Đai lưng an toàn	Chiếc/tổ		04		
14	Giày đẩy tạ - ném đĩa	Đôi/vđv		02		
15	Giày đinh	Đôi/vđv		02	02	
16	Giày khởi động	Đôi/vđv		01	01	
17	Kính chống chói	Chiếc/vđv		01		
18	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02		
19	Thước đo nhảy cao	Chiếc/tổ		02		
20	Thước đo nhảy xa	Chiếc/tổ		02		
21	Vật đánh dấu đà	Chiếc/tổ		20		
22	Xăng và trang cát	Bộ/tổ		02		
28.	Môn Golf					
1	Áo khởi động	Chiếc/vđv		02	02	
2	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	02			
3	Dây kéo đàn hồi tập lưng	Chiếc/người		02		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
4	Dây nhảy	Chiếc/vđv		02		
5	Giày	Đôi/vđv		01	01	
6	Mũ	Chiếc/vđv		01	01	
7	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		01		
8	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01		
9	Túi chườm đá	Đôi/vđv		01		
10	Bóng	Quả/người		60	60	
29. Môn Judo						
1	Dây leo	Chiếc/30vđv	05			
2	Dây thừng tập tay	Chiếc/30vđv	04			
3	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
4	Cột rào cản hình phễu	Bộ/đội	20			
5	Hình nộm người	Chiếc/đội	10			
6	Bộ đồ ép cân	Bộ/vđv		01		
7	Băng cơ co dãn	Cuộn/vđv		05	05	
8	Băng keo	Cuộn/vđv		05	05	
9	Băng gói	Chiếc/vđv		02		
10	Nịt bụng	Chiếc/vđv		01		
11	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
12	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		01	01	
13	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
14	Dây kéo đàn hồi tập vào đòn	Chiếc/vđv		01		
30. Môn Jujitsu						
1	Dây leo	Chiếc/30vđv	05			
2	Dây thừng tập tay	Chiếc/30vđv	04			
3	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
4	Cột rào cản hình phễu	Bộ/đội	02			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
5	Dây kéo đàn hồi tập vào đòn	Chiếc/vđv	01			
6	Hình nộm người	Chiếc/đội	05			
7	Thang gióng	Bộ/đội	02			
8	Áo ép cân	Chiếc/vđv		01		
9	Băng cổ chân	Chiếc/vđv		01		
10	Băng gối	Chiếc/vđv		01		
11	Nịt bụng	Chiếc/vđv		01		
12	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
13	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		01	01	
14	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
15	Đai tập luyện	Chiếc/vđv		01	01	
16	Đai thi đấu	Chiếc/vđv		01	01	
17	Bảo vệ cổ tay	Chiếc/vđv		01	01	
18	Bảo vệ khuỷu tay	Chiếc/vđv		01	01	
19	Bảo vệ vai	Chiếc/vđv		01	01	
20	Bình nước uống	Chiếc/vđv		01	01	
21	Quần áo thun khởi động	Bộ/vđv		01	01	
31. Môn Karate						
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Cột rào cản hình phễu	Bộ/đội	02			
3	Đích đá vuông	Chiếc/đội	10			
4	Đích đâm gắn tường	Chiếc/đội	10			
5	Thang dây	Chiếc/đội	04			
6	Trụ tập di động	Chiếc/đội	04			
7	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		01	01	
8	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
9	Bộ đồ ép cân	Bộ/vđv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
10	Găng thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
11	Găng tập luyện	Đôi/vđv		01	01	
12	Mũ tập luyện	Chiếc/vđv		01	01	
13	Mũ thi đấu	Chiếc/vđv		01	01	
14	Bao cát treo để đấm, đá	Chiếc/đội		04		
15	Bảo vệ chân và ống quyển tập luyện	Đôi/vđv		01	01	
16	Bảo vệ chân và ống quyển thi đấu	Đôi/vđv		01		
17	Bảo vệ gối	Đôi/vđv		01		
18	Bảo vệ thân thể (giáp) tập luyện	Chiếc/vđv		01		
19	Bảo vệ thân thể (giáp) thi đấu	Chiếc/vđv		01		
20	Bảo vệ ngực	Bộ/vđv nữ		01	01	
21	Bảo vệ răng tập luyện	Chiếc/vđv		01		
22	Bảo vệ răng thi đấu	Chiếc/vđv		01		
23	Đai tập luyện(xanh, đỏ)	Chiếc/vđv		01		
24	Đai thi đấu (xanh, đỏ)	Chiếc/vđv		02		
25	Dây chun tập đấm, đá	Chiếc/vđv		02		
26	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
27	Kuki	Chiếc/vđv		02		
28	Lam pơ to	Chiếc/vđv		02	02	
29	Lam pơ nhỏ	Chiếc/vđv		02	02	
30	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
31	Vợt đá đôi	Chiếc/vđv		01		
32	Vợt đá đơn	Chiếc/vđv		01		
32.	Môn Kickboxing					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Đích đấm gắn tường	Chiếc/đội	01			
3	Hình nộm người	Chiếc/đội	05			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
4	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		02	02	
5	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01	01	
6	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
7	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
8	Găng chuyên môn tập luyện	Đôi/vđv		01	01	
9	Găng chuyên môn thi đấu	Đôi/vđv		01	01	
10	Găng tập luyện đấm bao	Đôi/vđv		01	01	
11	Băng đa quấn tay	Đôi/vđv		01	01	
12	Mũ kickboxing	Chiếc/vđv		01	01	
13	Bao cát treo	Chiếc/đội		10		
14	Bảo vệ ngực	Bộ/vđv nữ		01	01	
15	Bảo vệ ống quyển	Đôi/vđv		01	01	
16	Bịt răng thi đấu	Chiếc/vđv		01	01	
17	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
18	Kuki	Chiếc/vđv		01	01	
19	Lampo	Đôi/vđv		01	01	
20	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
33. Môn Kurash						
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Cột rào cản hình phễu	Bộ/đội	20			
3	Hình nộm người	Chiếc/đội	10			
4	Dây thùng tập tay	Chiếc/30vđv	04			
5	Dây leo	Chiếc/30vđv	05			
6	Bộ đồ ép cân	Bộ/vđv		01		
7	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		01		
8	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		01		
9	Dây kéo đàn hồi tập vào đòn	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
10	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
11	Băng cơ co giãn	Cuộn/vđv		05	05	
12	Băng keo	Cuộn/vđv		05	05	
13	Băng gói	Chiếc/vđv		02		
14	Nịt bụng	Chiếc/vđv		01		
34. Môn Khiêu vũ thể thao						
1	Tạ chì tay	Đôi/vđv	01			
2	Tạ chì chân	Đôi/vđv	01			
3	Tạ chì lưng	Đôi/vđv	01			
4	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		02	02	
5	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02		
6	Tất liền quần thi đấu	Bộ/vđv nữ		03		
7	Giày tập	Đôi/vđv		02	02	
8	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01		
9	Bao chì bụng	Chiếc/vđv		01		
10	Bao chì chân	Chiếc/vđv		01		
11	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
12	Dây thun vít thể lực	Chiếc/vđv		01		
13	Đệm mỏng khởi động	Chiếc/vđv		01		
14	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
15	Đồ bơi nâu da	Hộp/vđv		02	02	
16	Bộ trang điểm	Bộ/vđv		01		
17	Gôm xịt tóc	Lọ/vđv		01	01	
18	Cào giấy chống trơn	Chiếc/vđv		01	01	
19	Áo choàng giữ ấm	Chiếc/vđv		01	01	
20	Bình nước cá nhân	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
21	Thang gióng	Bộ/đội	01			
22	Gương soi gắn tường	Bộ/đội	01			
35.	Môn Lặn					
1	Bình khí nén	Bộ/vđv	01			
2	Vòi hơi	Chiếc/vđv	01			
3	Áo bơi tập	Chiếc/vđv nữ		02	02	
4	Áo bơi thi đấu	Chiếc/vđv nữ		01	01	
5	Áo bó cơ	Chiếc/vđv nữ		01		
6	Quần bơi tập	Chiếc/vđv nam		02	02	
7	Quần bơi thi đấu	Chiếc/vđv nam		01		
8	Quần bó cơ	Chiếc/vđv nam		01		
9	Áo choàng giữ nhiệt	Chiếc/vđv		01		
10	Mũ bơi	Chiếc/vđv		01	01	
11	Bình đựng nước uống	Chiếc/vđv		01		
12	Chân vịt bản lớn tập	Chiếc/vđv		01	01	
13	Chân vịt bản lớn thi đấu	Chiếc/vđv		01		
14	Chân vịt đôi tập	Đôi/vđv		01	01	
15	Chân vịt đôi thi đấu	Đôi/vđv		01		
16	Dây cao su	Chiếc/vđv		01	01	
17	Khăn thấm nước	Chiếc/vđv		01	01	
18	Kính bơi	Chiếc/vđv		01	01	
19	Lót chân	Đôi/vđv		03	03	
20	Máy nén khí	Chiếc/đội		01		
21	Thảm cá nhân	Chiếc/vđv		01		
22	Ván đập chân	Chiếc/vđv		01		
23	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
24	Ống lăn massage	Chiếc/vđv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
25	Vòi bình khí nén	Chiếc/vđv		01		
36.	Môn Muay					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Hình nộm lật đật	Chiếc/đội	02			
3	Hình nộm người	Chiếc/đội	05			
4	Áo giáp	Chiếc/vđv		01		
5	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		01	01	
6	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
7	Bộ đồ ép cân	Bộ/vđv		01	01	
8	Giấy tập chuyên môn	Đôi/vđv		01	01	
9	Mũ bảo vệ	Chiếc/vđv		01	01	
10	Bao cát treo	Chiếc/đội		02		
11	Bao đấm gắn tường	Chiếc/đội		10		
12	Bảo vệ cẳng chân	Bộ/vđv		01	01	
13	Bảo vệ cùi chỏ	Bộ/vđv		01	01	
14	Bảo vệ gối	Bộ/vđv		01	01	
15	Kuki	Chiếc/vđv		01	01	
16	Bảo vệ mu bàn chân	Bộ/vđv		01	01	
17	Bảo vệ ngực	Chiếc/vđv		01	01	
18	Bảo vệ răng	Chiếc/vđv		01	01	
19	Dây kéo đàn hồi	Chiếc/vđv		01	01	
20	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
21	Địch đá vuông	Chiếc/đội		10		
22	Găng đấm muay	Đôi/vđv		01	01	
23	Giáp đỡ bụng	Chiếc/vđv		01	01	
24	Lăm pơ nhỏ	Chiếc/vđv		01	01	
25	Lăm pơ tay	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
37	Môn Nhảy cầu					
1	Áo choàng giữ nhiệt	Chiếc/vđv		01	01	
2	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02		
3	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		03	03	
4	Giày bật lưới	Đôi/vđv		03	03	
5	Khăn tắm	Chiếc/vđv		03	03	
6	Kính bơi, mũ bơi	Bộ/vđv		01	01	
7	Thảm nghỉ	Chiếc/vđv		01	01	
8	Bộ lưới bật	Bộ/đội		02		
9	Băng keo kéo cơ	Cuộn/vđv		02		
38	Môn Pencak Silat					
38.1	Nội dung đối kháng (Tanding)					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	02			
2	Nắm chiến thuật cỡ lớn	Bộ/đội	01			
3	Nắm chiến thuật cỡ nhỏ	Bộ/đội	01			
4	Thang dây	Bộ/đội	02			
5	Trụ dầm đá tự đứng	Chiếc/đội	02			
6	Áo giáp thi đấu da	Chiếc/đội		15	15	
7	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		01	01	
8	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		01		
9	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		01		
10	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01	01	
11	Băng cổ chân, cổ tay	Chiếc/vđv		02	02	
12	Bao đấm, đá da	Chiếc/đội		06	06	
13	Bảo hiểm đầu gối	Bộ/vđv		02	02	
14	Bảo hiểm ống chân, cổ chân	Bộ/vđv		02	02	
15	Bảo hiểm ống tay, cổ tay	Bộ/vđv		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
16	Dây chun to	Chiếc/đội		25	25	
17	Dây kéo đàn hồi tập đá	Chiếc/vđv		01		
18	Dây leo dạng bện	Sợi/đội		02		
19	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
20	Dây thừng	Sợi/đội		02		
21	Dây vải to	Chiếc/đội		25	25	
22	Đích đá vuông	Chiếc/đội		10		
23	Đích dăm gắn tường	Chiếc/đội		10		
24	Gậy phản xạ	Bộ/vđv		02		
25	Giáp tập luyện	Chiếc/vđv		01		
26	Giáp thi đấu	Chiếc/vđv		01		
27	Hình nộm người	Chiếc/đội		05		
28	Kuki	Chiếc/vđv		01		
29	Lampo nhỏ	Chiếc/đội		15	15	
30	Lampo to	Chiếc/đội		15	15	
31	Lampo vợt	Chiếc/đội		15	15	
32	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
33	Vợt đá đôi	Chiếc/vđv		01		
34	Vợt đá đơn	Chiếc/vđv		01		
38.2	Nội dung biểu diễn					
1	Bục để dao	Chiếc/đội	02			
2	Quần áo tập luyện seni, mũ, xà rồng	Bộ/vđv		02	02	
3	Quần áo tập thi đấu: mũ, xà rồng, đai lưng	Bộ/vđv		01	01	
4	Dao dài	Chiếc/vđv		01		
5	Dao găm	Chiếc/vđv		01		
6	Dao seni	Chiếc/vđv		02	02	
7	Dây thừng	Chiếc/vđv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
8	Gậy dài	Chiếc/vđv		02	02	
9	Liềm	Chiếc/vđv		01		
10	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
11	Bộ mỹ phẩm trang điểm	Bộ/vđv		01	01	
39.	Môn Quần vợt					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Máy bắn bóng	Chiếc/đội	01			
3	Máy đo tốc độ	Chiếc/đội	01			
4	Xe đựng bóng	Chiếc/đội	03			
5	Vợt	Chiếc/vđv	02			
6	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		05	05	
7	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		03	03	
8	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		03	03	
9	Mũ mềm	Chiếc/vđv		04	04	
10	Tất	Đôi/vđv		04	04	
11	Giày	Đôi/vđv		02	02	
12	Bịt cổ chân	Đôi/vđv		04	04	
13	Bịt cổ tay	Đôi/vđv		04	04	
14	Bịt gối	Đôi/vđv		02	02	
15	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
16	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
17	Túi vợt	Chiếc/vđv		01	01	
18	Bóng tennis	Hộp/vđv/tháng				20
19	Cuốn cán vợt tennis	Cuộn/vđv/tháng				04
20	Dây vợt tennis	Cuộn/vđv/tháng				02
40.	Môn Rowing					
1	Máy kéo tập thể lực rowing	Chiếc/vđv	01			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
2	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
3	Bộ đàm chịu nước	Chiếc/hlv	01			
4	Bộ dây phao đường đua, định vị khoảng cách trong huấn luyện	Bộ/đội	01			
5	Bộ phụ kiện tháo lắp, cân chỉnh thuyền	Bộ/đội	04			
6	Cân điện tử để cân chỉnh trọng lượng thuyền	Chiếc/đội	01			
7	Cầu lên xuống thuyền	Chiếc/đội	02			
8	Đồng hồ đo tần số	Chiếc/vđv	01			
9	Đồng hồ vệ tinh GPS (đo đường đua)	Chiếc/hlv	01			
10	Giá 4 tầng để thuyền bốn	Chiếc/đội	02			
11	Giá 4 tầng để thuyền đôi	Chiếc/đội	03			
12	Giá 4 tầng để thuyền đơn	Chiếc/đội	04			
13	Loa tay	Chiếc/hlv	01			
14	Mái chèo coxless	Chiếc/vđv	01			
15	Mái chèo scull	Đôi/vđv	01			
16	Máy đo nhịp tim	Chiếc/vđv	01			
17	Thuyền bốn	Chiếc/04vđv	01			
18	Thuyền tám	Chiếc/08vđv	01			
19	Thuyền đôi	Chiếc/02vđv	01			
20	Thuyền đôi	Chiếc/02vđv	01			
21	Thuyền đơn	Chiếc/vđv	01			
22	Túi chườm đá chấn thương	Chiếc/vđv	01			
23	Xe kút kít chở xuống máy	Chiếc/đội	01			
24	Xuồng máy hai thân, 25 sức ngựa	Chiếc/đội	01			
25	Xuồng máy kỹ thuật 40 sức ngựa dùng để chuyên chở, lắp đặt, tháo dỡ đường đua	Chiếc/đội	01			
26	Quần áo tập	Bộ/vđv		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
27	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02		
28	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01	01	
29	Bảo vệ gối	Bộ/vđv		01		
30	Bịt cổ tay	Chiếc/vđv		01	01	
31	Đai bảo vệ lưng	Chiếc/vđv		01		
32	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
33	Kính chống nắng	Chiếc/vđv		02		
34	Mũ mềm vành to	Chiếc/vđv		01	01	
35	Thảm cá nhân	Chiếc/vđv		01		
36	Bánh lái	Chiếc/vđv/tháng				01
37	Bộ cột buồm và thanh boom	Bộ/vđv/tháng				01
38	Bộ phụ kiện nhỏ	Bộ/vđv/tháng				01
39	Bộ tay điều khiển lái	Bộ/vđv/tháng				01
40	Cánh buồm	Chiếc/vđv/tháng				01
41	Dây lèo	Chiếc/vđv/tháng				01
42	Gala đánh bóng thuyền	Hộp/thuyền/tháng				01
43	Xăng dầu huấn luyện: 12L/h/máy 40 sức ngựa	Lít/xuồng/ngày				72
41.	Môn Thuyền Sailing					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Đồng hồ đo tần số	Chiếc/vđv	01			
3	Đồng hồ vệ tinh GPS (đo đường đua)	Chiếc/hlv	01			
4	Bộ đàm chịu nước	Chiếc/hlv	01			
5	Bộ phao tiêu, định vị khoảng cách trong huấn luyện.	Bộ/đội	08			
6	Thuyền dinghy finn	Chiếc/vđv	01			
7	Thuyền double handed dinghy 29er	Chiếc/02 vđv	01			
8	Thuyền double handed dinghy 420	Chiếc/02 vđv	01			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
9	Thuyền double handed dinghy 470	Chiếc/02 vđv	01			
10	Thuyền double handed dinghy 49er	Chiếc/02 vđv	01			
11	Thuyền hobie	Chiếc/02 vđv	01			
12	La bàn	Chiếc/hlv	01			
13	Laser radial	Chiếc/vđv	01			
14	Laser standard	Chiếc/vđv	01			
15	Loa tay	Chiếc/02 hlv	01			
16	Máy đo tốc độ gió	Chiếc/hlv	01			
17	Máy quay camera	Chiếc/Đội	02			
18	Thuyền mistral	Chiếc/02vđv	01			
19	Thuyền nacara 17	Chiếc/02vđv	01			
20	Thuyền optimist	Chiếc/vđv	01			
21	Thuyền rs:one	Chiếc/vđv	01			
22	Thuyền rs:x	Chiếc/vđv	01			
23	Xe kút kít chở xuồng máy	Chiếc/đội	04			
24	Xe kút kít đẩy thuyền	Chiếc/vđv	01			
25	Xuồng cao su để cứu hộ	Chiếc/đội	02			
26	Xuồng máy kỹ thuật 40 sức ngựa để huấn luyện	Chiếc/đội	02			
27	Áo phao sailing	Chiếc/vđv		01	01	
28	Quần áo tập	Bộ/vđv		02	02	
29	Găng tay	Đôi/vđv		02	02	
30	Mũ mềm vành to chống nắng	Chiếc/vđv		02		
31	Khăn tắm	Chiếc/vđv		02	02	
32	Bình nước uống	Chiếc/vđv		01	01	
33	Bịt cổ tay	Chiếc/vđv		01	01	
34	Đai bảo vệ lưng	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
35	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
36	Kính chống nắng	Chiếc/vđv		01	01	
37	Thảm cá nhân	Chiếc/vđv		02		
38	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		02		
39	Bánh lái	Chiếc/vđv/tháng				01
40	Bộ cột buồm và thanh boom	Bộ/vđv/tháng				01
41	Bộ phụ kiện nhỏ	Bộ/vđv/tháng				01
42	Bộ tay điều khiển lái	Bộ/vđv/tháng				01
43	Cánh buồm	Chiếc/vđv/tháng				01
44	Dây lèo	Chiếc/vđv/tháng				01
45	Gala đánh bóng thuyền	Hộp/thuyền/tháng				01
46	Xăng dầu huấn luyện: 12L/h/máy 40 sức ngựa	Lít/xuồng/ngày				72
42. Môn Sambo						
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Hình nộm người	Chiếc/đội	05			
3	Dây thùng tập tay	Chiếc/đội	05			
4	Thang gióng	Bộ/đội		02		
5	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		01	01	
6	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01	01	
7	Quần vật	Chiếc/vđv		02	02	
8	Giày vật	Chiếc/vđv		02	02	
9	Bó cổ chân	Chiếc/vđv		01	01	
10	Bó gối	Bộ/vđv		01	01	
11	Bó khuỷu tay	Chiếc/vđv		01	01	
12	Bó lưng	Chiếc/vđv		01		
13	Bó vai	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
14	Dây kéo đàn hồi tập đá	Chiếc/vđv		01		
15	Dây leo	Chiếc/đội		04		
16	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
17	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
18	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		01	01	
19	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
20	Đai tập luyện	Chiếc/vđv		01	01	
21	Đai thi đấu	Chiếc/vđv		01	01	
43.	Môn Taekwondo					
43.1	Nội dung đối kháng					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Hình nộm người	Chiếc/đội	05			
3	Áo giáp điện tử	Chiếc/vđv		02	02	
4	Áo giáp thường	Chiếc/vđv		02	02	
5	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		04	04	
6	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv; Bộ/hlv		01	01	
7	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
8	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01	01	
9	Mũ tập luyện, thi đấu thường (không gắn chip điện tử)	Chiếc/vđv		01	01	
10	Mũ tập luyện, thi đấu điện tử	Chiếc/vđv		01		
11	Tất điện tử	Đôi/vđv		02	02	
12	Giày tập taekwondo	Đôi/vđv		02	02	
13	Găng tay	Đôi/vđv		02	02	
14	Bao cát treo để đâm, đá	Chiếc/đội		10		
15	Kuki	Chiếc/vđv		02	02	
16	Bảo vệ mu bàn chân	Bộ/vđv		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
17	Bảo vệ ngực	Chiếc/vđv		02	02	
18	Bảo vệ tay chân	Bộ/vđv		02	02	
19	Bịt cổ chân	Đôi/vđv		02	02	
20	Bịt gối	Đôi/vđv		02	02	
21	Bịt răng	Chiếc/vđv		02	02	
22	Cột rào cản hình phễu	Bộ/đội		02		
23	Dây chun	Chiếc/vđv		02	02	
24	Dây kéo đàn hồi tập đá	Chiếc/vđv		01		
25	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
26	Đích đá kép	Chiếc/vđv		01	01	
27	Đích đá vuông	Chiếc/2vđv		01	01	
28	Đích đâm gắn tường	Chiếc/đội		05	05	
29	Miếng đá lớn	Chiếc/đội		02	02	
30	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		02		
31	Mũ tập luyện, thi đấu có kính chắn (dành cho lứa tuổi dưới 15, đội tuyển trẻ)	Chiếc/vđv		01	01	
32	Thang dây	Bộ/đội		01	01	
33	Bục gỗ	Chiếc/đội		10		
34	Bóng bán nguyệt tập thăng bằng	Chiếc/đội		10		
35	Băng keo cuốn	cuộn/vđv		10	10	
36	Băng thun cổ chân	cuộn/vđv		10	10	
37	Băng thun cổ tay	cuộn/vđv		10	10	
38	Băng thun gối	cuộn/vđv		10	10	
39	Bình xịt lạnh	binh/vđv		05	05	
40	Băng keo cơ co dãn	cuộn/vđv		10	10	
43.2	Nội dung biểu diễn (Poomsae)					
1	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		04	04	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
2	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
3	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
4	Bịt cổ chân	Bộ/vđv		02	02	
5	Bịt gối	Bộ/vđv		02	02	
6	Dây chun	Chiếc/vđv		02	02	
7	Địch đá kép	Chiếc/vđv		04	04	
8	Miếng đá lớn	Chiếc/đội		02	02	
9	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
10	Đệm hơi (dài 12m)	Chiếc/đội	02			
11	Đệm mút hơi	Chiếc/đội		05	05	
12	Cục mút vuông	Chiếc/đội		05	05	
13	Bóng tròn hơi	Quả/đội		01		
14	Giày tập taekwondo	Đôi/hlv,vđv		01	01	
15	Băng keo cuộn	Cuộn/vđv		10	10	
16	Băng thun cổ chân	Cuộn/vđv		10	10	
17	Băng thun cổ tay	Cuộn/vđv		10	10	
18	Băng thun gối	Cuộn/vđv		10	10	
19	Bình xịt lạnh	Bình/vđv		05	05	
20	Bộ trang điểm	Bộ/vđv		01	01	
21	Băng keo cơ co dãn	Cuộn/vđv		10	10	
22	Đĩa nhạc	Đĩa/nội dung		08	08	
44.	Môn Thể dục Aerobic					
1	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		02	02	
2	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		03		
3	Quần ticô dài 4 chiều co dãn	Bộ/vđv		02	02	
4	Quần ticô ngắn 4 chiều co dãn	Chiếc/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
5	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01	01	
6	Giày thi đấu	Đôi/vđv		01		
7	Tất	Đôi/vđv		02	02	
8	Tất liền quần thi đấu	Bộ/vđv		03		
9	Tất trắng	Đôi/vđv		01	01	
10	Bao chì bụng	Chiếc/vđv		01		
11	Bao chì chân	Chiếc/vđv		01		
12	Bao chì tay	Chiếc/vđv		01		
13	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
14	Đệm mút	Chiếc/vđv	05			
15	Tạ chì tay	Đôi/vđv		01		
16	Tạ chì chân	Đôi/vđv		01		
17	Tạ chì lưng	Đôi/vđv		01		
18	Bột rít	Kg/vđv		02	02	
19	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		02	02	
20	Băng cổ tay	Chiếc/vđv		02	02	
21	Băng cổ chân	Chiếc/vđv		02	02	
22	Băng gối	Chiếc/vđv		02	02	
23	Bục step thi đấu	Chiếc/vđv	02			
24	Bục gỗ nhỏ	Chiếc/vđv	02			
25	Bóng yoga	Quả/đội	02			
26	Bóng thăng bằng	Quả/đội	02			
27	Xà kép	Bộ/đội	02			
28	Nám hỗ trợ	Bộ/đội	02			
29	Giá chuối hỗ trợ	Bộ/đội	03			
30	Ván bật nhảy hỗ trợ	Bộ/đội	02			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
31	Khay đựng bột rít	Chiếc/đội	01			
32	Thang gióng (gắn tường)	Bộ/đội	01			
33	Thang gióng (di động)	Bộ/đội	01			
34	Lưới bạt nhỏ	Bộ/đội	02			
35	Bộ tạ tay (loại 4kg, 6kg, 8kg)	Bộ/đội	02			
36	Bộ tạ miếng (loại 4kg, 6kg, 8kg)	Bộ/đội	02			
45.	Môn Thể dục dụng cụ					
1	Bộ dụng cụ đầy đủ theo tiêu chuẩn cho tập luyện và thi đấu (tự do, ngựa vòng, vòng treo, nhảy chống, xà kép, xà đơn, xà lệch, cầu thăng bằng)	Bộ/đội	02			
2	Thang gióng tập thể lực	Chiếc/đội	10			
3	Thang gióng tập bale	Chiếc/đội	10			
4	Bàn nhảy chống (đệm và ngựa nhảy)	Chiếc/đội	04			
5	Cầu thăng bằng (đệm và cầu)	Chiếc/đội	04			
6	Ngựa vòng (đệm và xà)	Bộ/đội	04			
7	Thảm tự do	Bộ/đội	02			
8	Đường nhào lộn	Bộ/đội	02			
9	Lưới bạt	Bộ/đội	02			
10	Đệm mềm (20cm)	Chiếc/đội	20			
11	Đệm mỏng (10cm)	Chiếc/đội	20			
12	Đệm tiếp đất tại các dụng cụ tập luyện	Chiếc/đội	20			
13	Bàn đỡ vận động viên tại các dụng cụ tập luyện	Bộ/đội	06			
14	Giá chuỗi vòng treo	Cặp/đội	10			
15	Giá chuỗi xà đơn	Chiếc/đội	10			
16	Giá chuỗi xà kép	Chiếc/đội	10			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
17	Giá chuối xà lệch	Cặp/đội	10			
18	Mật đường tập xà	Lít/đội		01	01	
19	Nấm hỗ trợ	Chiếc/đội	10			
20	Ngựa tay quay	Chiếc/đội	04			
21	Tạ chì tay	Đôi/vđv		01	01	
22	Tạ chì chân	Đôi/vđv		01	01	
23	Tạ chì lưng	Đôi/vđv		01	01	
22	Tay xà kép	Cặp/đội	04			
23	Tay xà lệch	Cặp/đội	04			
24	Tay vòng treo	Cặp/đội	04			
25	Tay ngựa vòng	Cặp/đội	04			
26	Ván bạt	Chiếc/đội	10			
27	Vòng treo (đệm và xà)	Chiếc/đội	04			
28	Xà đơn (đệm và xà)	Chiếc/đội	04			
29	Xà kép (đệm và xà)	Chiếc/đội	04			
30	Xà lệch (đệm và xà)	Chiếc/đội	04			
31	Loa tay (âm thanh)	Chiếc/đội	01			
32	Dây thùng (7m)	Chiếc/đội	02			
33	Mút vụn cho vào hố	Kg/vđv	20			
34	Gương soi	M ² /đội	20			
35	Bục đỡ bảo hiểm (120cm x 50cm x 80cm)	Chiếc/đội	20			
36	Bục dè dèo	Chiếc/đội	20			
37	Lưới bạt mi ni	Chiếc/đội	02			
38	Đường chạy nhảy chống	Chiếc/đội	02			
39	Bao chì bụng	Chiếc/vđv		01	01	
40	Bao chì chân	Đôi/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
41	Bao chì tay	Đôi/vđv		01	01	
42	Thùng đựng đá	Chiếc/đội		02	02	
43	Bộ tay vòng treo	Đôi/vđv		01		
44	Da tay vòng treo	Đôi/vđv		04	04	
45	Da tay xà đơn	Đôi/vđv		04	04	
46	Da tay xà lệch	Đôi/vđv		04	04	
47	Dây nhảy	Chiếc/vđv		02	02	
48	Dây thun vít thể lực	Chiếc/vđv		02	02	
49	Khay đựng bột rít	Chiếc/đội		10		
50	Bột rít	Kg/vđv		05	05	
51	Giày thi đấu chuyên nghiệp	Đôi/vđv		02	02	
52	Giấy nhám vệ sinh xà	Tờ/đội		50	50	
53	Giày tập chuyên môn	Đôi/vđv		04	04	
54	Hệ thống dây kéo ròng rọc	Chiếc/đội		08		
55	Quần áo thi đấu chuyên nghiệp	Bộ/vđv		02	02	
56	Quần áo tập chuyên môn	Bộ/vđv		04	04	
57	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01	01	
58	Bịt cổ chân	Đôi/vđv		04	04	
59	Bịt cổ tay	Đôi/vđv		04	04	
60	Bịt gối	Đôi/vđv		02	02	
61	Băng thun gối	Cuộn/vđv		10	10	
62	Băng thun cổ tay	Cuộn/vđv		10	10	
63	Băng thun cổ chân	Cuộn/vđv		10	10	
64	Băng keo	Cuộn/vđv		10	10	
65	Quần tico dài 4 chiều co giãn	Chiếc/vđv		02	02	
66	Quần tico ngắn 4 chiều co giãn	Chiếc/vđv		04	04	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
36	Balo, túi sách dụng cụ cá nhân	Chiếc/vđv		01	01	
46.	Môn Thể dục nghệ thuật/ Nhào lộn					
46.1	Nội dung Thể dục nghệ thuật					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Đệm mềm	Chiếc/đội	10			
3	Đệm mỏng	Chiếc/đội	10			
4	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		04	04	
5	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
6	Giày tập luyện	Đôi/vđv		04	04	
7	Giày thi đấu	Đôi/vđv		02	02	
8	Bao chì bụng	Chiếc/vđv		01		
9	Bao chì chân	Chiếc/vđv		01		
10	Bóng thi đấu	Quả/vđv		02	02	
11	Chùy thi đấu	Đôi/vđv		02	02	
12	Dây nhảy	Chiếc/vđv		04		
13	Dây thi đấu	Chiếc/vđv		02	02	
14	Dây thun vít thể lực	Chiếc/vđv		04		
15	Lựa thi đấu	Chiếc/vđv		02	02	
16	Tạ chì tay	Đôi/vđv		01		
17	Tạ chì chân	Đôi/vđv		01		
18	Tạ chì lưng	Đôi/vđv		01		
19	Tất liền quần thi đấu	Đôi/vđv		05		
20	Vòng thi đấu	Chiếc/vđv		02	02	
21	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
22	Bàn đo dụng cụ thi đấu cá nhân	Chiếc/đội	02			
23	Thảm thi đấu và tập luyện	Bộ/đội	02			

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
24	Thang gióng tập thể lực	Chiếc/đội	10			
25	Thang gióng tập bale	Chiếc/đội	10			
26	Loa tay (âm thanh)	Chiếc/đội	01			
27	Băng thun gối	Cuộn/vđv		10	10	
28	Băng thun cổ tay	Cuộn/vđv		10	10	
29	Băng thun cổ chân	Cuộn/vđv		10	10	
30	Băng keo	Cuộn/vđv		10	10	
31	Gương soi	M ² /đội	20			
32	Bục đỡ bảo hiểm (120cm x 50cm x 80cm)	Chiếc/đội	20			
33	Balo, túi sách dụng cụ cá nhân	Chiếc/vđv		01	01	
34	Bục dè dèo (50cm x 50cm)	Chiếc/đội	20			
46.2	Nội dung Nhào lộn					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Đệm mềm	Chiếc/đội	10			
3	Đệm tiếp đất	Chiếc/đội	10			
4	Ghế đỡ, bảo hiểm	Chiếc/đội	02			
5	Giá chuối xà đơn	Chiếc/đội	10			
6	Giá chuối xà kép	Chiếc/đội	10			
7	Giá chuối xà lệch	Chiếc/đội	10			
8	Lưới bạt	Chiếc/đội	02			
9	Nệm mỏng	Chiếc/đội	10			
10	Ống lăn	Chiếc/vđv	01			
11	Thang ballet	Chiếc/đội	10			
12	Thang gióng	Chiếc/đội	10			
13	Ván bạt	Chiếc/đội	02			
14	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
15	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
16	Giày tập	Đôi/vđv		02	02	
17	Giày thi đấu	Đôi/vđv		02	02	
18	Đường nhào lộn	Bộ/đội	01			
19	Thảm tự do	Bộ/đội	02			
20	Lưới bật nhỏ	Chiếc/đội	02			
21	Bao chì phụ trọng	Đôi/vđv		03		
22	Dây nhảy	Chiếc/vđv		02		
23	Dây thun vít khởi động	Sợi/vđv		02	01	
24	Bột rít	Kg/vđv		02	02	
25	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		02		
26	Khăn lông	Chiếc/vđv		02	02	
27	Khăn tắm	Chiếc/vđv		02	02	
28	Băng thun gối	Cuộn/vđv		10	10	
29	Băng thun cổ tay	Cuộn/vđv		10	10	
30	Băng thun cổ chân	Cuộn/vđv		10	10	
31	Băng keo	Cuộn/vđv		10	10	
32	Loa tay (âm thanh)	Chiếc/đội	01			
33	Mút vụn cho vào hồ	Kg/vđv	20			
34	Dây thừng (7m)	Chiếc/đội	02			
35	Gương soi	M ² /đội	20			
36	Bục đỡ bảo hiểm (120cm x 50cm x 80cm)	Chiếc/đội	20			
37	Balo, túi sách dụng cụ cá nhân	Chiếc/vđv		01	01	
38	Bục dè dèo (50cm x 50cm)	Chiếc/đội	20			
47.	Môn Thể dục thể hình & Fitness					
1	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
2	Quần bó	Chiếc/vđv		02	02	
3	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
4	Giày tập	Đôi/vđv		01	01	
5	Găng tay	Đôi/vđv		01	01	
6	Khăn lớn	Chiếc/vđv		01	01	
7	Bình nước dùng trong thi đấu	Chiếc/đội		01		
8	Bó gối	Chiếc/vđv		02	02	
9	Đai lưng	Chiếc/vđv		01		
10	Đai lưng tập	Chiếc/vđv		01		
11	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01		
12	Thước dây	Chiếc/đội		02		
13	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
48.	Môn Triathlon - Ba môn phối hợp					
48.1	Nội dung Xe đạp					
1	Rulo đạp xe	Bộ/vđv	01			
2	Xe đạp	Chiếc/vđv	01			
3	Quần liền áo xe đạp	Bộ/vđv		01	01	
4	Găng tay	Đôi/vđv		01	01	
5	Giày	Đôi/vđv		01		
6	Kính chống chói	Chiếc/vđv		01		
7	Mũ xe đạp	Chiếc/vđv		01		
48.2	Nội dung bơi					
1	Quần áo bơi	Bộ/vđv		02	02	
2	Chân vịt	Bộ/vđv		01		
3	Kính bơi	Chiếc/vđv		01	01	
4	Mũ bơi	Chiếc/vđv		01	01	
5	Ván xốp	Chiếc/vđv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
48.3	Nội dung chạy					
1	Áo liền quần điền kinh	Chiếc/vđv		01	01	
2	Giày chuyên đường dài	Đôi/vđv		01		
49.	Môn Vật					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Dây leo	Chiếc/đội	04			
3	Hình nộm	Chiếc/đội	05			
4	Dây thùng tập tay	Chiếc/đội	05			
5	Thang gióng	Bộ/đội	02			
6	Áo thun khởi động	Chiếc/vđv		01	01	
7	Quần áo vật	Bộ/vđv		02	02	
8	Quần áo ép cân	Bộ/vđv		01	01	
9	Giày vật	Đôi/vđv		02	02	
10	Bó cổ chân	Chiếc/vđv		01	01	
11	Bó gối	Bộ/vđv		01	01	
12	Bó khuỷ tay	Chiếc/vđv		01	01	
13	Bó lưng	Chiếc/vđv		01		
14	Bó vai	Chiếc/vđv		01	01	
15	Dây kéo đàn hồi chân	Chiếc/vđv		01	01	
16	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
17	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
50.	Môn Vovinam					
50.1	Nội dung đối kháng					
1	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
2	Địch đá vuông	Chiếc/đội	10			
3	Địch đấm gắn tường	Chiếc/đội	10			
4	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		02	02	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
5	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		02	02	
6	Áo giáp	Chiếc/vđv		02	02	
7	Bộ đồ ép cân	Bộ/vđv		02		
8	Găng	Đôi/vđv		02	02	
9	Mũ bảo vệ đầu	Chiếc/vđv		02	02	
10	Bao cát treo	Chiếc/đội		04		
11	Bảo vệ chân	Đôi/vđv		01	01	
12	Bảo vệ gối	Đôi/vđv		01		
13	Bảo vệ ngực	Chiếc/vđv		01		
14	Bảo vệ răng	Chiếc/vđv		01	01	
15	Bảo vệ tay	Đôi/vđv		02		
16	Bịt cổ chân	Đôi/vđv		01	01	
17	Cột rào cản hình phễu	Bộ/đội		02		
18	Đai (xanh, đỏ)	Chiếc/vđv		01		
19	Dây chun tập đấm, đá	Chiếc/vđv		01	01	
20	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
21	Kuki	Chiếc/vđv		01	01	
22	Lampo nhỏ	Chiếc/vđv		01	01	
23	Lampo to	Chiếc/vđv		01	01	
24	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
25	Vợt đá đôi	Chiếc/vđv		01		
26	Vợt đá đơn	Chiếc/vđv		01		
50.2	Nội dung biểu diễn					
1	Võ phục tập luyện	Bộ/vđv		01	01	
2	Võ phục thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
3	Côn	Chiếc/vđv		01		
4	Đai (xanh, đỏ)	Chiếc/vđv		01		

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
5	Đại đao	Chiếc/vđv		01	01	
6	Dao găm (song đao)	Chiếc/vđv		01	01	
7	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
8	Kiểm song luyện	Chiếc/vđv		01	01	
9	Mã tấu	Chiếc/vđv		01	01	
10	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
51. Môn Wushu						
51.1 Nội dung biểu diễn (Taolu)						
1	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv		01	01	
2	Giày tập luyện	Đôi/vđv		02	02	
3	Giày thi đấu	Đôi/vđv		02	02	
4	Côn thuật	Chiếc/vđv		02	02	
5	Đao đôi luyện	Chiếc/vđv		03	03	
6	Đao thuật	Chiếc/vđv		02	02	
7	Khiên đôi luyện	Chiếc/vđv		02	02	
8	Kiểm đôi luyện	Chiếc/vđv		03	03	
9	Kiểm thái cực	Chiếc/vđv		02	02	
10	Kiểm thuật	Chiếc/vđv		02	02	
11	Nam côn	Chiếc/vđv		02	02	
12	Nam đao	Chiếc/vđv		02	02	
13	Thương thuật	Chiếc/vđv		02	02	
14	Tua thương	Chiếc/vđv		02	02	
15	Tua kiếm	Chiếc/vđv		02	02	
16	Túi chườm đá	Chiếc/vđv		01		
51.2 Nội dung đối kháng (Sanda)						
1	Quần áo	Bộ/vđv		01	01	
2	Bộ đồ ép cân	Bộ/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
3	Áo giáp	Chiếc/vđv		01	01	
4	Bàn đấm	Chiếc/đội		10		
5	Băng đá	Cuộn/vđv		01	01	
6	Bao cát treo	Chiếc/đội		10		
7	Bảo vệ chân	Bộ/vđv		01	01	
8	Bịt ống liên mu bàn chân	Bộ/vđv		01	01	
9	Bịt răng	Chiếc/vđv		01	01	
10	Dây kéo đàn hồi tập đá	Chiếc/vđv		01	01	
11	Dây nhảy	Chiếc/vđv		01	01	
12	Găng nhỏ	Đôi/vđv		02	02	
13	Găng to	Đôi/vđv		02	02	
14	Hình nộm người	Chiếc/đội		05		
15	Ku ki	Chiếc/vđv		01	01	
16	Lăng tay	Chiếc/vđv		01	01	
17	Mũ bảo vệ đầu	Chiếc/vđv		01	01	
52. Môn Xe đạp						
52.1 Nội dung Xe đạp đường trường						
1	Roller	Chiếc/vđv	01			
2	Thùng đựng đá	Chiếc/đội	04			
3	Xe đạp cá nhân tính giờ đường trường	Chiếc/vđv	01			
4	Xe đạp đường trường	Chiếc/vđv	01			
5	Đùi đĩa, cốt chén	Bộ/vđv	01			
6	Yên xe	Chiếc/vđv	01			
7	Pêđan	Đôi/vđv	01			
8	Quần áo tập	Bộ/vđv		02	02	
9	Giày	Đôi/vđv		01	01	
10	Găng tay xe đạp	Đôi/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
11	Mũ bảo hiểm	Chiếc/vđv		01	01	
12	Kính đua	Chiếc/vđv		01	01	
13	Bình nước uống	Chiếc/vđv		05	05	
14	Bơm	Chiếc/đội		01	01	
15	Cặp bánh sơ cua	Cặp/đội		04	04	
16	Dây đề đĩa, líp	Bộ/vđv		01	01	
17	Đồng hồ đo nhịp tim	Chiếc/vđv		01		
18	Dây cuốn ghi đông	Bộ/vđv		01	01	
19	Dây phanh trước, sau	Bộ/vđv		01	01	
20	Lốp liền săm	Cặp/vđv		01	01	
21	Má phanh	Bộ/vđv		01	01	
22	Tắt xe đạp	Đôi/vđv		02	02	
23	Xích, líp	Cặp/vđv		02	02	
24	Group chuyển động	Bộ/vđv/tháng				02
25	Săm, lốp	Đôi/vđv/tháng				04
52.2	Nội dung Xe đạp địa hình					
1	Roller	Chiếc/vđv	01			
2	Thùng đựng nước đá	Chiếc/đội	04			
3	Xe đạp băng đồng	Chiếc/vđv	01			
4	Xe đạp đồ dèo	Chiếc/vđv	01			
5	Yên xe	Chiếc/vđv	01			
6	Pêđan	Đôi/vđv	01			
7	Giáp đồ dèo	Bộ/vđv		01		
8	Quần áo tập luyện	Bộ/vđv		02	02	
9	Giày	Đôi/vđv		01	01	
10	Tắt	Đôi/vđv		02	02	
11	Găng tay băng đồng	Đôi/vđv		01	01	

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Định mức trang thiết bị			
			Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	Thời gian sử dụng dưới 01 năm		
				Lần thứ nhất	Lần thứ hai	Cấp theo ngày, theo tháng
12	Găng tay đồ đèo	Đôi/vđv		01	01	
13	Mũ băng đồng	Chiếc/vđv		01	01	
14	Mũ đồ đèo	Chiếc/vđv		01	01	
15	Kính đua	Chiếc/vđv		01	01	
16	Bình nước	Chiếc/vđv		04	04	
17	Bơm	Chiếc/đội		01	01	
18	Cặp bánh sơ cua băng đồng	Cặp/đội		04	04	
19	Cặp bánh sơ cua đồ đèo	Cặp/đội		03	03	
20	Đồng hồ đo nhịp tim	Chiếc/vđv		01	01	
21	Đùi, đĩa, cột giữa	Bộ/vđv		01	01	
22	Má phanh, đĩa phanh	Bộ/vđv		04	04	
23	Phuộc đồ đèo	Bộ/đội		02	02	
24	Sang số trước, sau	Bộ/đội		05	05	
25	Tay sang số	Cặp/đội		05	05	
26	Vỏ, ruột đê	Bộ/vđv		02	02	
27	Vỏ, ruột phanh	Bộ/vđv		02	02	
28	Xích, líp	Bộ/vđv		02	02	
29	Group chuyển động	Bộ/vđv/tháng				02
30	Săm, lốp	Đôi/vđv/tháng				04